

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-5-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Luyến

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T

Địa chỉ: KDC Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1

Địa chỉ: KDC Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương

***Người làm chứng:** Bà Đặng Thị Banh Nguyễn Văn Q năm 1980; anh Nguyễn Văn T2

Chị T, anh T1, bà Q vắng mặt (Chị T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau vào ngày 06/02/2009 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là phường H, thành phố C), tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống

chung tại địa chỉ KDC Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Anh Nguyễn Văn T làm bạn bè rủ rê thường xuyên chơi bài, rượu chè, cờ bạc, xay xin về nhà chửi bới và đuổi vợ con ra khỏi nhà. Chị hàng ngày đi làm về mệt anh T1 không chia sẻ mà còn chửi bới khiến cho chị cảm thấy tinh thần mệt mỏi, áp lực. Vào năm 2022 chị có dành dụm được một khoản tiền nhỏ thì anh T1 đã lừa dối chị và sử dụng số tiền đó đi chơi bài, đánh bạc khi chị phát hiện anh T1 chơi cờ bạc, ngoài ra còn nợ nần anh em, chỉ để lấy tiền tiêu xài chơi bài thì anh T1 về nhà dờ dưng có chửi bới, vợ chồng có xô xát cãi nhau anh T1 có lấy ảnh cưới của anh chị ra cắt xé và dọa nạt chị sau đó anh T1 bỏ nhà ra đi khoảng 01 tháng thì anh về nhà xin lỗi chị. Sự việc như vậy cứ diễn ra trong thời gian dài mỗi lần anh T1 mắc lỗi lại bỏ nhà ra đi khoảng 01 đến 2 tháng lại quay về, không quan tâm gì đến vợ con. Chị đã bỏ qua nhiều lần và cho anh T1 nhiều cơ hội nhưng anh T1 vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi. Ngoài ra anh T1 có hành vi bán các tài sản gia đình để lấy tiền tiêu xài không quan tâm đến ai hay cảm xúc của chị và con khiến kinh tế gia đình không khá lên được. Hiện nay chị và anh T1 đã ly thân được khoảng 04 tháng, chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ là bà Đặng Thị B năm 1956, địa chỉ: KDC Đ, phường H, thành phố C sinh sống. Thời gian Tết âm lịch anh T1 có nhờ anh em của anh T1 sang nhà mẹ chị xin lỗi và động viên chị về cùng chung sống đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Bởi vì chị đã cho anh T1 nhiều thời gian và nhiều cơ hội để thay đổi nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, chị đã mất hoàn toàn niềm tin vào anh T1 gần đây khi chị nói cho anh T1 biết là chị sẽ làm đơn ly hôn thì anh T1 có đe dọa chị và gia đình chị.

Quá trình tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh T1 biết việc chị làm đơn xin ly hôn tại Tòa án, biết việc Tòa án triệu tập đến Tòa, nhưng anh T1 không lên Tòa án làm việc, không có biện pháp cải thiện tình trạng vợ chồng, thời gian đầu anh T1 cũng chính là người bảo chị làm đơn ly hôn thì anh T1 sẽ ký, nhưng khi chị làm đơn ra Tòa án thì anh T1 không hợp tác và gây khó khăn cho chị, mục đích vờ thêm tiền để có tiền chơi bài, tiêu xài.

Sau hôm Tòa án xuống nhà làm việc, anh T1 có nhắn tin cho chị chửi bới và đe dọa giết và có những lời lẽ không hay, xúc phạm. Chị cũng có nói chuyện qua zalo trả lời anh T1 động viên anh T1 nhưng anh T1 cũng không thay đổi, không tu trí làm ăn nếu vậy giải thoát cho nhau nhưng anh T1 cũng không đồng ý, đe dọa giết

và gây thêm áp lực cho chị. Từ hôm đó giữa anh chị không còn liên lạc hay quan tâm gì với nhau.

Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T1 để chị ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Chị T định chị và anh T1 có 01 con chung là Nguyễn Minh H sinh ngày 23/04/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân con ở với chị tại nhà mẹ đẻ cho đến nay. Chị T nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không đề nghị anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay chị đang đi làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000đ. Nhà mẹ đẻ chị rộng rãi thoáng mát, đảm bảo đủ chỗ ở, sinh hoạt, đi lại thuận tiện cho con.

- Về quan hệ tài sản: Chị T đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T1 niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Đặng Thị B1 (là mẹ đẻ chị T) trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị T là mẹ vợ của anh T1. Vợ chồng anh chị kết hôn năm 2009, sau khi kết hôn về chung sống tại KDC Đ, phường H. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tu chí làm ăn cùng nhau đi Trung Quốc làm thuê kiếm tiền xây nhà, nuôi dạy con cái. Nhưng khoảng 03 năm gần đây vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 chơi bời cờ bạc trên mạng thua tiền dẫn đến nợ nần nên về nhà bán các tài sản trong gia đình để lấy tiền tiêu xài và lừa dối chị T tiền tiết kiệm mang đi chơi bời hết. Chị T ngày đi làm, anh T1 uống rượu say xỉn về đe dọa chị T đuổi vợ con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mỗi lần xảy ra cãi vã anh T1 đều đe dọa vợ và lấy ảnh cưới ra cắt xé đuổi mẹ con chị T nhà mẹ đẻ, chửi bới và xúc phạm cả gia đình vợ. Do không chịu được tính cách anh T1 nên khoảng tháng 10/2024 chị T chuyển về sinh sống cùng với bà. Thời gian chị T cùng bà anh T1 thường xuyên qua nhà bà, thời gian đầu anh T1 cũng có cùng với anh chị em sang nói chuyện, bà cũng khuyên và động viên chị T chung sống cùng anh T1 nhưng chị T về. Sau khi biết chị T về cùng chung sống anh T1 lại sang nhà bà chửi bới và đe dọa giết. Khoảng tháng 2/2025 anh T1 sang nhà bà lúc đó cả nhà đang ngồi xem tivi, anh T1 cũng đã có chút men trong người có những lời lẽ xúc phạm chửi bới sau đó có xảy ra xô xát giữa anh T1 và con trai bà, bà có thông báo cho an ninh khu và trưởng khu sang hòa

giải. Sau hôm đó anh T1 lại sang nhà bà chửi bới, xúc phạm và có những lời lẽ không hay. Bà nghe nói chị T trình báo lên công an nhưng công an có mời anh T1 lên làm việc hay không thì bà không biết. Nay chị T đơn ly hôn anh T1 bản thân bà muốn hai vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con nhưng sự việc đã xảy ra nhiều lần, chị T cho anh T1 nhiều cơ hội gia đình cũng động viên nhiều nhưng anh T1 cũng không thay đổi. Nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của chị T chị T định cuộc sống. Về con chung: Chị T anh T1 có 01 con chung hiện đang ở cùng chị T nhà bà. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T con bà sẽ tạo điều kiện đảm bảo về chỗ ăn ở, sinh hoạt đầy đủ cho cháu. Về tài sản: Anh chị có tài sản chung gì không bà không biết.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn Q1 anh Nguyễn Văn T2 (là anh/ em trai anh T1) trình bày:

Anh T1 và chị T hôn với nhau năm 2009. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại KDC Đ, phường H. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hòa thuận, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu từ phía anh T1 đi làm nhưng không có thu nhập lo cho gia đình, còn cụ thể hai vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì các anh không lắm được, do không sống gần đó. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sống, trong thời gian chị T về nhà mẹ đẻ, anh T1 và anh em trong gia đình trong đó có hai anh xuống động viên hòa giải hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị T đơn ly hôn anh T1 hai anh đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp không hòa giải được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Quá trình chung sống chị T T1 có 01 con chung hiện đang ở cùng chị T nhà mẹ đẻ từ khi hai anh chị sống ly thân đến nay.

Xác minh với ông Mạc Văn B2 - trưởng KDC Đ trình bày:

Chị T anh T1 công dân hiện đang sinh sống tại khu dân cư. Anh chị kết hôn năm 2009, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại KDC Đ. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn đặc biệt khoảng thời gian gần đây. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 chơi các trò chơi trên mạng dẫn đến nợ nần và tiêu tán các tài sản trong gia đình để lấy tiền tiêu xài, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh T1 cũng có những lời lẽ không hay về gia đình và chị T. Khoảng tháng 2/2025 anh T1 sang nhà mẹ đẻ chị T xảy ra xô xát, nguyên nhân cụ thể ông không lắm được, gia đình chị T mời ông sang hòa giải thì ông mới biết. Còn trước đây anh chị có xảy ra mâu thuẫn tuy nhiên tự bảo ban nhau không thông báo đến khu

nên khu không lắm được. Nay chị T đơn ly hôn anh T1, khu đề nghị giải quyết theo pháp luật. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung hiện đang sống cùng chị T nhà mẹ đẻ chị T

Tại đơn đề nghị cháu Nguyễn Minh H1 ngày 23/04/2010 trình bày: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bị đơn anh T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS). Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 229, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị

Phạm Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn T1

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 23/04/2010 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002552 ngày 26/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh;
- Lưu HS; VP;.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Luyến